

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31/5/2018

*“V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con
chung giữa anh Th1-chị Th2”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Tụ

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh B

2. *Bị đơn:* Chị Hà Thị Th2, sinh năm 1990; ĐKTT: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh B; nơi ở: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh TH.

(Tại phiên tòa có mặt anh Th1, chị Th2 có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Th1 trình bày: Anh và chị Hà Thị Th2 tự nguyện tìm hiểu, đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh B vào ngày 01/02/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn, nguyên nhân chính do con chung của anh chị bị bệnh bại liệt không có cơ hội phục hồi. Tháng 5/2017, chị Th2 đã bỏ về quê ở tỉnh TH sinh sống, bỏ lại con cho anh nuôi, anh có tìm nhưng chị Th2 không quay về.. Nay anh thấy giữa anh chị không còn tình cảm, anh xin được ly hôn chị Th2.

Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hà Vy sinh ngày 07/11/2012 bị bệnh bại liệt hiện đang ở với anh, anh xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Th2 cấp dưỡng cho con.

Vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Hà Thị Th2: Chị Th2 đã có đơn xin lựa chọn Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B là nơi giải quyết vụ án. Sau khi nhận được Th2 báo về việc thụ lý vụ án và Th2 báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa, chị Th2 đã làm đơn xin giải quyết vắng mặt gửi Tòa án nhân dân huyện P. Trong đơn chị trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn thống nhất với lời khai của anh Th1, chị khai do tính tình không hợp nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, từ tháng 5/2017 chị đã về quê ở tỉnh TH sinh sống, nay anh Th1 xin ly hôn, chị nhất trí vì vợ chồng không còn tình cảm; chị khai vợ chồng có một con chung như anh Th1 đã trình bày, chị biết anh Th1 xin nuôi con, chị nhất trí; chị khai vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do công việc nên chị từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xin được vắng mặt tại các buổi tố tụng và phiên tòa xét xử.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh B về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Văn Th1 được ly hôn chị Hà Thị Th2; giao con chung Nguyễn Hà Vy sinh ngày 07/11/2012 cho anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th1 không yêu cầu chị Th2 cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết; anh Th1 và chị Th2 đều khai vợ chồng không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết; anh Th1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Hà Thị Th2 có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện P là nơi giải quyết vụ án và có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện P tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Th1 và chị Hà Thị Th2 xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh B cấp đăng ký kết hôn số 10/2012 ngày 01/02/2012 là hôn nhân hợp pháp. Theo anh Th1 cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, nhưng do anh chị sinh con gái bị bệnh bại liệt, đã đưa đi chữa trị nhưng được chẩn đoán là không có cơ hội phục hồi nên chị Th2 chán nản bỏ về quê ở tỉnh TH sinh sống; chị Th2 cho rằng do tính tình không hợp nên cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Anh chị đều xác định chị Th2 bỏ về quê ở tỉnh TH sinh sống từ tháng 5/2017 đến nay, mặc dù anh Th1 có tìm nhưng chị Th2 không quay lại đoàn tụ. Nay anh Th1 xin ly hôn, chị cũng nhất trí, chị từ chối tham gia hòa giải và xin xét xử vắng mặt, điều đó cho thấy mục đích cuộc hôn nhân giữa anh chị không đạt được, vì vậy cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Th1, xử cho anh Th1 được ly hôn chị Th2 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Anh Th1, chị Th2 có một con chung là cháu là Nguyễn Hà Vy sinh ngày 07/11/2012. Xét nguyện vọng của anh Th1 xin được nuôi con chung là chính đáng và phù hợp với thực tế hiện cháu bị bệnh bại liệt đang được anh nuôi dưỡng, từ ngày chị Th2 bỏ đi đến nay anh vẫn chăm sóc con chu đáo, chị Th2 cũng nhất trí yêu cầu xin nuôi con của anh Th1. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Th1, giao con chung cho anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng cho con anh Th1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung: Anh Th1 và chị Th2 đều khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Anh Th1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Th1, chị Th2 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Viết Th1 được ly hôn chị Hà Thị Th2.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Viết Th1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hà Vy sinh ngày 07/11/2012 (con bị bệnh bại liệt).

Về cấp dưỡng cho con: Anh Nguyễn Viết Th1 không yêu cầu chị Hà Thị Th2 cấp dưỡng cho con, nên không giải quyết.

Chị Hà Thị Th2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Viết Th1 phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Th1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003610 ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh B thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyễn Viết Th1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Hà Thị Th2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện P;
- UBND xã H, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Liên (đã ký)